

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:37/2024/HC-ST

Ngày :29- 8 - 2024

V/v khiếu kiện các quyết định hành chính và
hành vi chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Kim Xuyên;

Ông Huỳnh Kính

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nguyên Thủy là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 52/2023/TLST-HC ngày 08/11/2023 về “Khiếu kiện các Quyết định hành chính và hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:24/2024/QĐXXST-HC ngày 06 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Trần Xuân A, sinh năm 1958; cư trú tại: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định. có mặt

- Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B;

Đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND tỉnh B: Ông Nguyễn Tư Công H – Phó chủ tịch UBND tỉnh B (có đơn xin vắng mặt)

2. Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định;

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định.

Đại diện hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định; Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định: Ông Phan Chí H1 - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định (có đơn xin vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Bình Định

Đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Bình Định: Ông Lê Văn B – Công chức địa chính. (có đơn xin vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm: 1963; cư trú tại: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định; có mặt

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, người khởi kiện ông Trần Xuân A và bà Nguyễn Thị H2 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cùng thống nhất trình bày:

Gia đình ông Trần Xuân A được Nhà nước cấp GCNQSDĐ. Nhưng bị thu hồi để làm đường tránh phía Nam thị trấn P, huyện T. Thửa đất số 1423. Tờ bản đồ số 11, diện tích thu hồi 461,2m² loại đất lúa; thửa đất số 18, tờ bản đồ số 11, diện tích thu hồi 192,2m² loại đất lúa; thửa đất số 51, tờ bản đồ số 4, diện tích thu hồi 204,5m² loại đất trồng cây hàng năm khác. Căn cứ vào các văn bản hiện nay thì đất của hộ gia đình ông không còn là xã miền núi (khu vực III) mà là xã đồng bằng (vị trí 1). Thể hiện tại các Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của thủ tướng chính phủ; Quyết định số 3485/QĐ-UBND tỉnh B ngày 27/9/2019 về việc công nhận xã T, huyện T đạt chuẩn nông thôn mới năm 2019; Quyết định số 979/QĐ-UBND ngày 27/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc công nhận xã T, huyện T đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao. Tuy nhiên chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 2136/QĐ-UBND huyện T ngày 28/4/2023 quyết định lần đầu và tiếp đến chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 2890/QĐ-UBND ngày 03/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh B. Quyết định lần 2 nhưng Chủ tịch UBND huyện T và Chủ tịch UBND tỉnh B đều viện dẫn Công văn số 6601/UBND-TH ngày 08/11/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh cho rằng xã T là xã miền núi và lập phương án bồi thường hỗ trợ cho hộ gia đình ông theo xã miền núi là trái quy định pháp luật là trái với quyết định của thủ tướng chính phủ và trái với 02 quyết định nói trên.

Nay ông Trần Xuân A yêu cầu tòa án giải quyết hủy Quyết định số 2136/QĐ-UBND ngày 28/4/2023 của Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Bình Định; hủy Quyết định số 2890/QĐ-UBND ngày 03/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh B. Buộc UBND huyện T bồi thường hỗ trợ diện tích đất bị thu hồi của hộ gia đình ông Trần Xuân A do ảnh hưởng giải phóng mặt bằng xây dựng tuyến đường tránh phía Nam thị trấn P, huyện T theo đơn giá đất xã đồng bằng.

Bên cạnh các đơn khởi kiện vụ án hành chính người khởi kiện còn cung cấp cho Tòa án một số tài liệu chứng cứ khác có liên quan đến yêu cầu khởi kiện. Ngoài ra người khởi kiện không tự mình thu thập được bất kỳ chứng cứ nào khác mà không có yêu cầu Tòa án thu thập thêm tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc giải quyết vụ án.

Người bị kiện: Đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B ông Nguyễn Tư Công H3 trình bày:

Thực hiện Quyết định số 4825/QĐ-UBND ngày 03/12/2021 của UBND tỉnh B về việc phê duyệt dự án xây dựng tuyến đường tránh phía Nam thị trấn P, huyện T; UBND huyện T tổ chức thực hiện giải phóng mặt bằng tiến hành thi công dự án nêu trên. Theo đó, việc bồi thường, hỗ trợ về đất để giải phóng mặt bằng công trình này đối với đoạn qua địa bàn xã T được áp dụng theo bảng giá đất xã miền núi, trong đó có thực hiện thu hồi đất của hộ gia đình ông Trần Xuân A ở thôn P, xã T, huyện T, gồm 03 thửa đất cụ thể: Thửa đất số 1423. Tờ bản đồ số 11, diện tích thu hồi 461,2m² loại đất lúa; thửa đất số 18, tờ bản đồ số 11, diện tích thu hồi 192,2m² loại đất lúa; thửa đất số 51, tờ bản đồ số 4, diện tích thu hồi 204,5m² loại đất trồng cây hàng năm khác. UBND huyện T đã ban hành 04 Quyết định thu hồi đất của hộ gia đình ông Trần Xuân A, cụ thể: Quyết định số 3158/QĐ-UBND ngày 10/6/2022; Quyết định số 3159/QĐ-UBND và Quyết định số 3160/QĐ-UBND ngày 10/6/2022; Quyết định số 6007/QĐ-UBND ngày 12/10/2022.

Căn cứ Quyết định số 42/QĐ-UB ngày 23/5/1997 của Bộ trưởng – Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và miền núi về việc công nhận 3 khu vực miền núi, vùng cao; Văn bản số 747/BDT-CS ngày 14/9/2022 của Ban Dân tộc tỉnh B về việc cung cấp thông tin đơn vị hành chính thuộc xã miền núi, UBND huyện T xác định xã T là xã miền núi; Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh B về việc ban hành bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh. Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng dự án đã áp dụng đất để thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng công trình tuyến đường tránh phía Nam thị trấn P đoạn qua địa bàn xã T theo các bảng giá đất đối với xã miền núi.

Theo quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 không có xã T, huyện T; đồng thời xã T đã về đích nông thôn mới từ năm 2019 và đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao vào năm 2021; do đó, ông Trần Xuân A cho rằng xã T không còn là xã miền núi, mà là xã đồng bằng. Tuy nhiên, tại Điều 3 của Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ, quy định: Các xã khu vực III, khu vực II đã được phê duyệt tại Quyết định này nếu được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới sẽ được xác định là xã khu vực I và thôi hưởng các chính sách áp dụng đối với xã khu vực III, khu vực II kể từ ngày Quyết định của cấp có thẩm quyền công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới

có hiệu lực, không có văn bản nào quy định xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới sẽ được xác định là xã đồng bằng.

Để có cơ sở áp giá bồi thường, hỗ trợ công tác giải phóng mặt bằng trên địa bàn [huyện T](#) theo đúng quy định của pháp luật và đảm bảo quyền lợi hợp pháp, chính đáng của các hộ dân bị ảnh hưởng dự án trên địa bàn [xã T](#), [UBND huyện T](#) có văn bản số 1457/UBND-VX ngày 10/10/2022 kiến nghị xem xét, có ý kiến cụ thể về việc xác định [xã T](#) là xã miền núi hay là xã đồng bằng để địa phương có cơ sở triển khai thực hiện. Ngày 08/11/2022, [UBND tỉnh B](#) ban hành văn bản số 6601/UBND-TH, với nội dung: Trước mắt, để kịp thời phục vụ công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025, đoạn qua tỉnh Bình Định và các dự án khác trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh yêu cầu Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường giải phóng mặt bằng căn cứ Quyết định số 42/QĐ-UB ngày 23/5/1997 của Bộ trưởng – Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và miền núi để xác định xã miền núi làm cơ sở áp dụng giá đất trong bảng giá đất do [Ủy ban nhân dân tỉnh Q](#) tại Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 phục vụ công tác bồi thường giải phóng mặt bằng.

Kết quả giải quyết bồi thường, hỗ trợ: [Ủy ban nhân dân huyện T](#) ban hành Quyết định phê duyệt phương án chi phí bồi thường, hỗ trợ tại Quyết định số 2126/QĐ-UBND ngày 10/6/2022 và Quyết định số 6000/QĐ-UBND ngày 12/10/2022, trong đó có hộ ông [Trần Xuân A](#) bị thu hồi với diện tích 857,8m² đất, với tổng số tiền được bồi thường, hỗ trợ là 201.330.350 đồng để thực hiện dự án xây dựng tuyến đường tránh phía Nam [thị trấn P](#) theo quy định (áp dụng theo các bảng giá đất xã miền núi)

Kết quả giải quyết khiếu nại của ông [Trần Xuân A](#): Không đồng ý với kết quả bồi thường nêu trên, ông [Trần Xuân A](#) có đơn khiếu nại và được Chủ tịch [UBND huyện T](#) giải quyết khiếu nại lần đầu tại Quyết định số 2136/QĐ-UBND ngày 28/4/2023 và Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết khiếu nại lần hai tại Quyết định số 2890/QĐ-UBND ngày 03/8/2023, với nội dung: “Không công nhận nội dung đơn của ông [Trần Xuân A](#) ở [thôn P, xã T, huyện T](#), vì: Việc ông [Trần Xuân A](#) yêu cầu tính toán bồi thường hỗ trợ diện tích đất bị thu hồi của ông do ảnh hưởng giải phóng mặt bằng dự án xây dựng tuyến đường tránh phía Nam [thị trấn P, huyện T](#) theo đơn giá đất xã đồng bằng là không có cơ sở để xem xét giải quyết, vì căn cứ văn bản số 6601/UBND-TH ngày 08/11/2022 của [UBND tỉnh B](#) về việc xác định xã miền núi để phục vụ công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng các dự án trên địa bàn tỉnh. Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án đã phê duyệt giá đất theo Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 phục vụ công tác bồi thường giải phóng mặt bằng để bồi thường cho ông [Trần Xuân A](#) là đúng quy định tại thời điểm”.

Chủ tịch [UBND tỉnh B](#) khẳng định: Quyết định số 2890/QĐ-UBND ngày 03/8/2023 của Chủ tịch [UBND nhân dân tỉnh B](#) về việc giải quyết khiếu nại lần hai đối với ông [Trần Xuân A](#) ở [thôn P, xã T, huyện T](#) là đúng quy định của pháp luật. Do đó, việc ông [Trần Xuân A](#) khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 2890/QĐ-UBND ngày 03/8/2023 của Chủ tịch [UBND tỉnh B](#) là không có cơ sở.

Người bị kiện: Đại diện hợp pháp của Chủ tịch [Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định](#) và [Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định](#) ông [Phan Chí H1](#) trình bày:

Việc bồi thường, hỗ trợ để thu hồi đất của hộ ông [Trần Xuân A](#): Căn cứ Quyết định số 4825/QĐ-UBND ngày 03/12/2021 của [UBND tỉnh B](#) về việc phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án: Xây dựng tuyến đường tránh phía Nam [thị trấn P, huyện T](#). [Ủy ban nhân dân huyện T](#) thực hiện thu hồi đất của hộ gia đình ông [Trần Xuân A](#), thường trú: [Thôn P, xã T, huyện T](#), gồm 03 thửa đất, cụ thể: Thửa đất số 1423, tờ bản đồ số 11, diện tích thu hồi 461,1m², loại đất lúa; thửa đất số 18, tờ bản đồ số 11, diện tích thu hồi 192,2m², loại đất lúa, thửa đất số 51, tờ bản đồ số 4, diện tích thu hồi 204,5m² loại đất trồng cây hàng năm khác. UBND huyện đã ban hành 04 quyết định thu hồi đất của hộ gia đình ông [Trần Xuân A](#) cụ thể: Quyết định số 3158/QĐ-UBND ngày 10/6/2022, Quyết định số 3159/QĐ-UBND ngày 10/6/2022; Quyết định số 3160/QĐ-UBND ngày 10/6/2022 và Quyết định số 6007/QĐ-UBND ngày 12/10/2022. Đồng thời, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 3126/QĐ-UBND ngày 10/6/2022 phê duyệt phương án và chi phí bồi thường, hỗ trợ đợt 4 và Quyết định số 6000/QĐ-UBND ngày 12/10/2022 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đợt 13 do giải phóng mặt bằng xây dựng dự án xây dựng tuyến đường tránh phía Nam thị trấn, [P](#). Theo đó, hộ ông [Trần Xuân A](#) bị thu hồi đất với tổng diện tích 857,8m², với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông là 201.330.350 đồng (Bằng chữ: Hai trăm lẻ một triệu ba trăm ba chục nghìn ba trăm năm chục đồng) để thực hiện giải phóng mặt bằng xây dựng tuyến đường tránh phía Nam [thị trấn P](#).

Kết quả xác minh, giải quyết vụ việc: Năm 2022, UBND huyện nhận được đơn của ông [Trần Xuân A](#), thường trú: [Thôn P, xã T, huyện T](#) (đơn ghi ngày 19/7/2022, ngày 26/8/2022, ngày 11/9/2022) có nội dung: “Kiến nghị phản ánh các cơ quan chức năng xem xét, giải quyết về việc bồi thường, hỗ trợ do giải phóng mặt bằng tuyến đường tránh phía Nam [thị trấn P](#) cho gia đình ông theo đúng quy định của pháp luật”. Theo đó, UBND huyện đã chỉ đạo Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng và phát triển quỹ đất huyện phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, các phòng ban liên quan và [Ủy ban nhân dân xã T](#) kiểm tra, rà soát và đề xuất cho [Ủy ban nhân dân huyện X](#), giải quyết theo đúng quy định. Trên cơ sở rà soát, báo cáo đề xuất của các ngành, Chủ tịch UBND huyện đã ban hành văn bản số 1836/UBND-TD ngày 02/12/2022 về việc trả lời đơn kiến nghị, phản ánh của ông [Trần Xuân A](#). Đồng thời, ngày 09/02/2023, tại trụ sở tiếp công dân huyện ([Sổ H, Mai Xuân T, thị trấn P](#)), Chủ tịch UBND huyện cũng đã chủ trì buổi tiếp công dân định kỳ theo quy định và ban

hành Thông báo kết luận số 64/TB-UBND ngày 21/02/2023 đối với trường hợp công dân [Trần Xuân A](#), với nội dung:

Về việc xác định vị trí thửa đất và hạng đất: Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện đã chỉ đạo tổ công tác giúp việc của Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện phối hợp với Công chức địa chính [xã T](#) thực hiện việc kê biên, kiểm đếm và căn cứ hồ sơ địa chính để xác định vị trí của từng thửa đất, hạng đất đối với các hộ dân có đất bị thu hồi do giải phóng mặt bằng xây dựng tuyến đường tránh phía Nam [thị trấn P](#). Tuy nhiên, trong quá trình áp giá bồi thường, hỗ trợ cho các hộ này (Trong đó, có hộ ông [Trần Xuân A](#)) thì tổ công tác và Công chức địa chính [xã T](#) đã có sự sai sót trong việc xác định hạng đất, do căn cứ trên bản đồ chưa chỉnh lý để xác định vị trí các thửa đất nên dẫn đến việc xác định vị trí của một số thửa chưa phù hợp với hiện trạng thực tế hiện nay; vì vậy, cần phải rà soát, điều chỉnh vị trí thửa đất và hạng đất theo đúng quy định, nhằm đảm bảo quyền lợi hợp pháp, chính đáng của công dân. Do đó, UBND huyện đã chỉ đạo cho Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện tiến hành kiểm tra, rà soát để điều chỉnh áp giá bổ sung các thửa đất của hộ ông theo đúng quy định, cụ thể: Từ vị trí 2 lên vị trí 1, đồng thời cũng đã nâng hạng đất đối với một số thửa hạng 3 lên hạng 2, từ hạng 5 lên hạng 4 và đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ theo đúng quy định (Cụ thể tại Quyết định số 6000/QĐ-UBND ngày 12/10/2022 của [UBND huyện T](#) về việc phê duyệt phương án và chi phí bồi thường, hỗ trợ đợt 13 do giải phóng mặt bằng xây dựng dự án xây dựng tuyến đường tránh phía Nam [thị trấn P](#).

Về việc xác định [xã T](#) là xã miền núi: Căn cứ theo Quyết định số 42/QĐ-UBND ngày 23/5/1997 của Bộ trưởng chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và miền núi về việc công nhận 03 khu vực miền núi, vùng cao; Văn bản số 747/BDT-CS ngày 14/9/2022 của [Ban Dân tộc tỉnh B](#) về việc cung cấp thông tin đơn vị hành chính thuộc xã miền núi; theo đó, xác định [xã T thuộc huyện T](#) là xã miền núi. Do đó căn cứ theo quy định của các văn bản nêu trên và Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của [UBND tỉnh B](#) về việc ban hành bảng giá đất loại đất định ký 05 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh, Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện đã thực hiện việc áp dụng giá đất để thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng công trình tuyến đường tránh phía Nam [thị trấn P](#) đoạn qua địa bàn [xã T](#) theo các bảng giá đất đối với xã miền núi. Tuy nhiên, theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng chính phủ về phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025, đồng thời [xã T](#) đã về đích nông thôn từ năm 2019 và đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao vào năm 2021; Như vậy đến thời điểm hiện nay nếu căn cứ theo các văn bản này thì địa phương nhận thấy [xã T](#) không còn là xã miền núi (khu vực III), mà là xã đồng bằng (khu vực I). Do đó, để có cơ sở áp giá bồi thường, hỗ trợ công tác giải phóng mặt bằng trên địa bàn huyện theo đúng quy định của pháp luật và đảm bảo quyền lợi hợp pháp, chính

đáng của các hộ dân bị ảnh hưởng do giải phóng mặt bằng trên địa bàn [xã T](#), Ủy ban nhân dân huyện đã kiến nghị với [UBND tỉnh B](#), [Sở T2](#) tỉnh xem xét, có ý kiến cụ thể về việc xác định [xã T](#) là xã miền núi hay là xã đồng bằng để địa phương có cơ sở triển khai thực hiện (tại văn bản số 1457/UBND-VX ngày 10/10/2022 của UBND huyện). Trên cơ sở kiến nghị của địa phương [UBND tỉnh B](#) đã ban hành văn bản 6601/UBND-TH ngày 08/11/2022 với nội dung: “Trước mắt, để kịp thời phục vụ công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án xây dựng đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025, đoạn qua tỉnh Bình Định và các dự án khác trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh yêu cầu UBND huyện, thị xã, thành phố, các tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng căn cứ Quyết định số 42/QĐ-UB ngày 23/5/1997 của Bộ trưởng – Chủ nhiệm Ủy ban dân tộc và [M](#) núi để xác định xã miền núi làm cơ sở áp dụng giá đất trong bảng giá đất của [Ủy ban nhân dân tỉnh Q](#) tại Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 phục vụ công tác bồi thường giải phóng mặt bằng. Đồng thời, giao [Sở T2](#) chủ trì phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh tham mưu dự thảo văn bản cho [U](#) đề nghị [Bộ T3](#) hướng dẫn cụ thể về việc áp dụng Quyết định số 42/QĐ-UBND ngày 23/5/1997 của Bộ trưởng- Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Miền núi, Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng chính phủ và Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ trưởng [Bộ T3](#) trong việc xác định xã miền núi để thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng trên địa bàn tỉnh Bình Định”. Do đó, để phục vụ công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng công trình tuyến đường tránh phía Nam [thị trấn P](#), UBND huyện đã thực hiện việc áp dụng giá đất thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng công trình này đối với đoạn qua địa bàn [xã T](#) theo các bảng giá đất xã miền núi. Khi nào có ý kiến chỉ đạo, hướng dẫn của các cơ quan chức năng thì Ủy ban nhân dân huyện sẽ điều chỉnh việc áp giá và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung đúng theo quy định của pháp luật (nếu được áp dụng theo bảng giá đất xã đồng bằng).

Kết quả giải quyết đơn khiếu nại: Ông [Trần Xuân A](#) không thống nhất việc bồi thường, hỗ trợ để thực hiện giải phóng mặt bằng công trình tuyến đường tránh phía Nam [thị trấn P](#) đối với hộ gia đình ông theo các bảng giá đất đối với xã miền núi. Nên ngày 14/3/2023, ông [Trần Xuân A](#) làm đơn khiếu nại gửi đến UBND huyện, với nội dung: Khiếu nại toàn bộ nội dung Thông báo số 64/ TB-UBND ngày 21/02/2023 của Chủ tịch [UBND huyện T](#), vì việc bồi thường, hỗ trợ của UBND huyện để giải phóng mặt bằng tuyến đường tránh [phí N thị trấn P](#) đối với hộ ông như đã nêu trong thông báo là chưa đúng quy định của pháp luật. Theo ông, Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã khu vực III, Khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025, thì [xã T](#) không còn là xã miền núi (khu vực III), mà là xã đồng bằng (khu vực I). Do đó, ông yêu cầu [U](#) bồi thường, hỗ trợ diện tích đất bị thu hồi của hộ gia đình ông theo vị trí 1, thuộc [xã Đ](#). Ngày 24/3/2023, UBND huyện đã ban hành Thông báo số

85/TB-UBND về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu đối với đơn khiếu nại của ông [Trần Xuân A](#). Đồng thời, thành lập tổ xác minh nội dung khiếu nại (cụ thể tại Quyết định số 1628/QĐ-UBND ngày 04/4/2023) và tiến hành xác minh nội dung đơn khiếu nại của ông [Trần Xuân A](#). Trên cơ sở báo cáo đề xuất của tổ xác minh tại Văn bản số 01/BC-TXM1628 ngày 20/4/2023. Ngày 26/4/2023, Chủ tịch UBND huyện các ngành liên quan của huyện và [UBND xã T](#) tổ chức đối thoại với ông [Trần Xuân A](#). Tại buổi đối thoại đã phân tích, giải thích cụ thể các quy định của pháp luật có liên quan đến nội dung khiếu nại. Cụ thể: [UBND huyện T](#) thực hiện việc áp giá đất để thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng công trình tuyến đường tránh phía Nam [thị trấn P](#) cho hộ ông [Trần Xuân A](#), thường trú: [Thôn P, xã T, huyện T](#) theo các bảng giá đất đối với xã miền núi là đúng theo chỉ đạo của UBND tỉnh về áp dụng các quy định của pháp luật hiện hành. Việc ông [Trần Xuân A](#) khiếu nại toàn bộ nội dung thông báo số 64/TB-UBND ngày 21/02/2023 của Chủ tịch [UBND huyện T](#), vì việc bồi thường, hỗ trợ của UBND huyện để giải phóng mặt bằng công trình tuyến đường tránh phía Nam [thị trấn P](#) đối với hộ ông như đã nêu trong thông báo chưa đúng theo quy định của pháp luật và ông yêu cầu UBND huyện căn cứ theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2015 để áp giá bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình ông đối với diện tích đất bị thu hồi theo vị trí 1, thuộc [xã Đ](#) là chưa có cơ sở để xem xét giải quyết. Kết quả buổi đối thoại ông [Trần Xuân A](#) (người khiếu nại tham gia đối thoại) không thống nhất với kết quả kiểm tra, xác minh, giải quyết của UBND huyện về việc bồi thường, hỗ trợ để thực hiện giải phóng mặt bằng công trình tuyến đường tránh phía Nam [thị trấn P](#) đối với hộ gia đình ông theo các bảng giá đất đối với xã miền núi. Ngày 28/4/2023, Chủ tịch UBND huyện đã ban hành Quyết định số 2136/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông [Trần Xuân A](#), địa chỉ: [Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định](#) (lần đầu). Không công nhận toàn bộ nội dung khiếu nại tại đơn ghi ngày 14/3/2023 của ông [Trần Xuân A](#), địa chỉ: [Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định](#). Ông [Trần Xuân A](#) khiếu nại đến [UBND tỉnh B](#) và ngày 03/8/2023, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2890/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông [Trần Xuân A](#), địa chỉ: [Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định](#) (lần hai). Với nội dung: Công nhận và giữ nguyên nội dung Quyết định số 2136/QĐ-UBND ngày 28/4/2023 của Chủ tịch [UBND huyện T](#) về việc giải quyết khiếu nại của ông [Trần Xuân A](#), địa chỉ: [Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định](#). Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan [UBND xã T, huyện T](#) ông [Nguyễn Văn S](#) – chủ tịch [UBND xã T](#) trình bày:

Việc bồi thường, hỗ trợ để thu hồi đất của hộ ông [Trần Xuân A](#): Căn cứ Quyết định số 4825/QĐ-UBND ngày 03/12/2021 của [UBND tỉnh B](#) về việc phê duyệt báo

cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án: Xây dựng tuyến đường tránh phía Nam [thị trấn P, huyện T](#). Ủy ban nhân dân huyện T thực hiện thu hồi đất của hộ gia đình ông [Trần Xuân A](#), thường trú: [Thôn P, xã T, huyện T](#), gồm 03 thửa đất, cụ thể: Thửa đất số 1423, tờ bản đồ số 11, diện tích thu hồi 461,1m², loại đất lúa; thửa đất số 18, tờ bản đồ số 11, diện tích thu hồi 192,2m², loại đất lúa, thửa đất số 51, tờ bản đồ số 4, diện tích thu hồi 204,5m² loại đất trồng cây hàng năm khác. UBND huyện đã ban hành 04 quyết định thu hồi đất của hộ gia đình ông [Trần Xuân A](#) cụ thể: Quyết định số 3158/QĐ-UBND ngày 10/6/2022, Quyết định số 3159/QĐ-UBND ngày 10/6/2022; Quyết định số 3160/QĐ-UBND ngày 10/6/2022 và Quyết định số 6007/QĐ-UBND ngày 12/10/2022. Đồng thời, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 3126/QĐ-UBND ngày 10/6/2022 phê duyệt phương án và chi phí bồi thường, hỗ trợ đợt 4 và Quyết định số 6000/QĐ-UBND ngày 12/10/2022 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đợt 13 do giải phóng mặt bằng xây dựng dự án xây dựng tuyến đường tránh phía Nam thị trấn, [P](#). Theo đó, hộ ông [Trần Xuân A](#) bị thu hồi đất bị thu hồi đất với tổng diện tích 857,8m², với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông là 201.330.350 đồng (Bằng chữ: Hai trăm lẻ một triệu ba trăm ba chục nghìn ba trăm năm chục đồng) để thực hiện giải phóng mặt bằng xây dựng tuyến đường tránh phía Nam [thị trấn P](#).

Kết quả xác minh, giải quyết vụ việc: Năm 2022, UBND huyện nhận được đơn của ông [Trần Xuân A](#), thường trú: [Thôn P, xã T, huyện T](#) (đơn ghi ngày 19/7/2022, ngày 26/8/2022, ngày 11/9/2022) có nội dung: “Kiến nghị phản ánh các cơ quan chức năng xem xét, giải quyết về việc bồi thường, hỗ trợ do giải phóng mặt bằng tuyến đường tránh phía Nam [thị trấn P](#) cho gia đình ông theo đúng quy định của pháp luật”. Theo đó, UBND huyện đã chỉ đạo Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng và phát triển quỹ đất huyện phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, các phòng ban liên quan và Ủy ban nhân dân xã T kiểm tra, rà soát và đề xuất cho Ủy ban nhân dân huyện X, giải quyết theo đúng quy định. Trên cơ sở rà soát, báo cáo đề xuất của các ngành, Chủ tịch UBND huyện đã ban hành văn bản số 1836/UBND-TD ngày 02/12/2022 về việc trả lời đơn kiến nghị, phản ánh của ông [Trần Xuân A](#). Đồng thời, ngày 09/02/2023, tại trụ sở tiếp công dân huyện ([Sổ H, Mai Xuân T, thị trấn P](#)), Chủ tịch UBND huyện cũng đã chủ trì buổi tiếp công dân định kỳ theo quy định và ban hành Thông báo kết luận số 64/TB-UBND ngày 21/02/2023 đối với trường hợp công dân [Trần Xuân A](#), với nội dung:

Về việc xác định vị trí thửa đất và hạng đất: Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện đã chỉ đạo tổ công tác giúp việc của Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện phối hợp với Công chức địa chính [xã T](#) thực hiện việc kê biên, kiểm đếm và căn cứ hồ sơ địa chính để xác định vị trí của từng thửa đất, hạng đất đối với các hộ dân có đất bị thu hồi do giải phóng mặt bằng xây dựng tuyến đường tránh phía Nam [thị trấn P](#). Tuy nhiên, trong quá trình áp giá bồi thường, hỗ trợ cho các hộ này (Trong đó, có hộ ông [Trần Xuân A](#)) thì tổ công tác và Công chức địa chính [xã T](#) đã có

sự sai sót trong việc xác định hạng đất, do căn cứ trên bản đồ chưa chỉnh lý để xác định vị trí các thửa đất nên dẫn đến việc xác định vị trí của một số thửa chưa phù hợp với hiện trạng thực tế hiện nay; vì vậy, cần phai rà soát, điều chỉnh vị trí thửa đất và hạng đất theo đúng quy định, nhằm đảm bảo quyền lợi hợp pháp, chính đáng của công dân. Do đó, UBND huyện đã chỉ đạo cho Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện tiến hành kiểm tra, rà soát để điều chỉnh áp giá bổ sung các thửa đất của hộ ông theo đúng quy định, cụ thể: Từ vị trí 2 lên vị trí 1, đồng thời cũng đã nâng hạng đất đối với một số thửa hạng 3 lên hạng 2, từ hạng 5 lên hạng 4 và đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ theo đúng quy định (Cụ thể tại Quyết định số 6000/QĐ-UBND ngày 12/10/2022 của [UBND huyện T](#) về việc phê duyệt phương án và chi phí bồi thường, hỗ trợ đợt 13 do giải phóng mặt bằng xây dựng dự án xây dựng tuyến đường tránh phía Nam [thị trấn P](#).

Về việc xác định [xã T](#) là xã miền núi: Căn cứ theo Quyết định số 42/QĐ-UBND ngày 23/5/1997 của Bộ trưởng chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và miền núi về việc công nhận 03 khu vực miền núi, vùng cao; Văn bản số 747/BĐT-CS ngày 14/9/2022 của [Ban Dân tộc tỉnh B](#) về việc cung cấp thông tin đơn vị hành chính thuộc xã miền núi; theo đó, xác định [xã T thuộc huyện T](#) là xã miền núi. Do đó căn cứ theo quy định của các văn bản nêu trên và Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của [UBND tỉnh B](#) về việc ban hành bảng giá đất loại đất định ký 05 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh, Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện đã thực hiện việc áp dụng giá đất để thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng công trình tuyến đường tránh phía Nam [thị trấn P](#) đoạn qua địa bàn [xã T](#) theo các bảng giá đất đối với xã miền núi. Tuy nhiên, theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng chính phủ về phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025, đồng thời [xã T](#) đã về đích nông thôn từ năm 2019 và đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao vào năm 2021; Như vậy đến thời điểm hiện nay nếu căn cứ theo các văn bản này thì địa phương nhận thấy [xã T](#) không còn là xã miền núi (khu vực III), mà là xã đồng bằng (khu vực I). Do đó, để có cơ sở áp giá bồi thường, hỗ trợ công tác giải phóng mặt bằng trên địa bàn huyện theo đúng quy định của pháp luật và đảm bảo quyền lợi hợp pháp, chính đáng của các hộ dân bị ảnh hưởng do giải phóng mặt bằng trên địa bàn [xã T](#), Ủy ban nhân dân huyện đã kiến nghị với [UBND tỉnh B](#), [Sở T2](#) tỉnh xem xét, có ý kiến cụ thể về việc xác định [xã T](#) là xã miền núi hay là xã đồng bằng để địa phương có cơ sở triển khai thực hiện (tại văn bản số 1457/UBND-VX ngày 10/10/2022 của UBND huyện). Trên cơ sở kiến nghị của địa phương [UBND tỉnh B](#) đã ban hành văn bản 6601/UBND-TH ngày 08/11/2022 với nội dung: “Trước mắt, để kịp thời phục vụ công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án xây dựng đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025, đoạn qua tỉnh Bình Định và các dự án khác trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh yêu cầu UBND huyện, thị xã, thành phố, các tổ chức làm nhiệm vụ bồi

thường, giải phóng mặt bằng căn cứ Quyết định số 42/QĐ-UB ngày 23/5/1997 của Bộ trưởng – Chủ nhiệm Ủy ban dân tộc và [M](#) núi để xác định xã miền núi làm cơ sở áp dụng giá đất trong bảng giá đất của [Ủy ban nhân dân tỉnh Q](#) tại Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 phục vụ công tác bồi thường giải phóng mặt bằng. Đồng thời, giao [Sở T2](#) chủ trì phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh tham mưu dự thảo văn bản cho [U](#) đề nghị [Bô T3](#) hướng dẫn cụ thể về việc áp dụng Quyết định số 42/QĐ-UBND ngày 23/5/1997 của Bộ trưởng- Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Miền núi, Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng chính phủ và Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ trưởng [Bô T3](#) trong việc xác định xã miền núi để thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng trên địa bàn tỉnh Bình Định”. Do đó, để phục vụ công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng công trình tuyến đường tránh phía Nam [thị trấn P](#), UBND huyện đã thực hiện việc áp dụng giá đất thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng công trình này đối với đoạn qua địa bàn [xã T](#) theo các bảng giá đất xã miền núi. Khi nào có ý kiến chỉ đạo, hướng dẫn của các cơ quan chức năng thì Ủy ban nhân dân huyện sẽ điều chỉnh việc áp giá và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung đúng theo quy định của pháp luật (nếu được áp dụng theo bảng giá đất xã đồng bằng).

Kết quả giải quyết đơn khiếu nại: Ông [Trần Xuân A](#) không thống nhất việc bồi thường, hỗ trợ để thực hiện giải phóng mặt bằng công trình tuyến đường tránh phía Nam [thị trấn P](#) đối với hộ gia đình ông theo các bảng giá đất đối với xã miền núi. Nên ngày 14/3/2023, ông [Trần Xuân A](#) làm đơn khiếu nại gửi đến UBND huyện, với nội dung: Khiếu nại toàn bộ nội dung Thông báo số 64/ TB-UBND ngày 21/02/2023 của Chủ tịch [UBND huyện T](#), vì việc bồi thường, hỗ trợ của UBND huyện để giải phóng mặt bằng tuyến đường tránh [phí N thị trấn P](#) đối với hộ ông như đã nêu trong thông báo là chưa đúng quy định của pháp luật. Theo ông, Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã khu vực III, Khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025, thì [xã T](#) không còn là xã miền núi (khu vực III), mà là xã đồng bằng (khu vực I). Do đó, ông yêu cầu [U](#) bồi thường, hỗ trợ diện tích đất bị thu hồi của hộ gia đình ông theo vị trí 1, thuộc [xã Đ](#). Ngày 24/3/2023, UBND huyện đã ban hành Thông báo số 85/TB-UBND về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu đối với đơn khiếu nại của ông [Trần Xuân A](#). Đồng thời, thành lập tổ xác minh nội dung khiếu nại (cụ thể tại Quyết định số 1628/QĐ-UBND ngày 04/4/2023) và tiến hành xác minh nội dung đơn khiếu nại của ông [Trần Xuân A](#). Trên cơ sở báo cáo đề xuất của tổ xác minh tại Văn bản số 01/BC-TXM1628 ngày 20/4/2023. Ngày 26/4/2023, Chủ tịch UBND huyện các ngành tham mưu liên quan của huyện và [UBND xã T](#) tổ chức đối thoại với ông [Trần Xuân A](#). Tại buổi đối thoại đã phân tích, giải thích cụ thể các quy định của pháp luật có liên quan đến nội dung khiếu nại. Cụ thể: [UBND huyện T](#) thực hiện việc áp giá đất để thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng công trình tuyến đường

tránh phía Nam [thị trấn P](#) cho hộ ông [Trần Xuân A](#), thường trú: [Thôn P, xã T, huyện T](#) theo các bảng giá đất đối với xã miền núi là đúng theo chỉ đạo của UBND tỉnh về áp dụng các quy định của pháp luật hiện hành. Việc ông [Trần Xuân A](#) khiếu nại toàn bộ nội dung thông báo số 64/TB-UBND ngày 21/02/2023 của Chủ tịch [UBND huyện T](#), vì việc bồi thường, hỗ trợ của UBND huyện để giải phóng mặt bằng tuyến đường tránh phía Nam [thị trấn P](#) đối với hộ ông như đã nêu trong thông báo chưa đúng theo quy định của pháp luật và ông yêu cầu UBND huyện căn cứ theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2015 để áp giá bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình ông đối với diện tích đất bị thu hồi theo vị trí 1, thuộc [xã Đ](#) là chưa có cơ sở để xem xét giải quyết. Kết quả buổi đối thoại ông [Trần Xuân A](#) (người khiếu nại tham gia đối thoại) không thống nhất với kết quả kiểm tra, xác minh, giải quyết của UBND huyện về việc bồi thường, hỗ trợ để thực hiện giải phóng mặt bằng công trình tuyến đường tránh phía Nam [thị trấn P](#) đối với hộ gia đình ông theo các bảng giá đất đối với xã miền núi. Ngày 28/4/2023, Chủ tịch UBND huyện đã ban hành Quyết định số 2136/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông [Trần Xuân A](#), địa chỉ: [Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định](#) (lần đầu). Không công nhận toàn bộ nội dung khiếu nại tại đơn ghi ngày 14/3/2023 của ông [Trần Xuân A](#), địa chỉ: [Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định](#). Ông [Trần Xuân A](#) khiếu nại đến [UBND tỉnh B](#) và ngày 03/8/2023, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2890/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông [Trần Xuân A](#), địa chỉ: [Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định](#) (lần hai). Với nội dung: Công nhận và giữ nguyên nội dung Quyết định số 2136/QĐ-UBND ngày 28/4/2023 của Chủ tịch [UBND huyện T](#) về việc giải quyết khiếu nại của ông [Trần Xuân A](#), địa chỉ: [Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định](#). [UBND xã T](#) đã phối hợp với Ủy ban M1 cùng với các hội, đoàn thể xã, trưởng thôn Phú Thọ tổ chức hai buổi mời ông [Trần Xuân A](#) làm việc vận động hộ ông [Trần Xuân A](#) sớm nhận tiền bồi thường hỗ trợ thu hồi đất để giải phóng mặt bằng thi công tuyến đường tránh phía Nam [thị trấn P](#) kịp tuyến độ, thời gian đề ra. Hai buổi làm việc diễn ra vào các ngày 02/10/2023 và ngày 04/10/2023 (có biên bản làm việc kèm theo). Đến nay, hộ ông [Trần Xuân A](#), địa chỉ: [Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định](#) đã nhận đủ số tiền bồi thường hỗ trợ thu hồi đất và bàn giao toàn bộ phần đất đã thu hồi cho đơn vị thi công công trình tuyến đường tránh phía Nam [thị trấn P](#). Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xem xét và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tại phiên tòa vị đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký phiên tòa, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi tòa án thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng hành chính và đề nghị

HĐXX căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông [Trần Xuân A](#) về việc yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 2136/QĐ-UBND ngày 28/4/2023 của Chủ tịch [UBND huyện T](#), tỉnh Bình Định; hủy Quyết định số 2890/QĐ-UBND ngày 03/8/2023 của Chủ tịch [UBND tỉnh B](#). Buộc [UBND huyện T](#) bồi thường hỗ trợ diện tích đất bị thu hồi của hộ gia đình ông [Trần Xuân A](#) do ảnh hưởng giải phóng mặt bằng xây dựng tuyến đường tránh phía Nam [thị trấn P, huyện T](#) theo đơn giá đất xã đồng bằng.

Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và những người đại diện theo ủy quyền của bị kiện vẫn giữ nguyên các quyết định hành chính bị kiện.

Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hành chính để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định đối với yêu cầu của người khởi kiện ông [Trần Xuân A](#) theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định, các quy định của pháp luật; Hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án hành chính nhận thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Ngày 19/8/2024 ông [Nguyễn Tự Công H3](#) – Phó Chủ tịch [UBND tỉnh B](#) có công văn số 6377/UBND-TD về việc đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, ngày 23/8/2024 ông [Phan Chí H1](#) Chủ tịch [UBND huyện T](#) có công văn số 1489/UBND – TD về việc đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, ngày 16/8/2024 ông [Nguyễn Văn T1](#) phó Chủ tịch [UBND xã T, huyện T](#) có công văn số 71/UBND-VP về việc đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt,

Căn cứ quy định tại các Điều 157, Điều 158 Luật tổ tụng hành chính. Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nói trên.

Ông [Trần Xuân A](#) khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 2136/QĐ-UBND ngày 28/4/2023 của Chủ tịch [UBND huyện T](#), tỉnh Bình Định; hủy Quyết định số 2890/QĐ-UBND ngày 03/8/2023 của Chủ tịch [UBND tỉnh B](#). Buộc [UBND huyện T](#) bồi thường hỗ trợ diện tích đất bị thu hồi của hộ gia đình ông [Trần Xuân A](#) do ảnh hưởng giải phóng mặt bằng xây dựng tuyến đường tránh phía Nam [thị trấn P, huyện T](#) theo đơn giá đất xã đồng bằng các quyết định về việc giải quyết khiếu nại nói trên là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của

Tòa án bằng vụ án hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật tổ tụng hành chính

Vào các ngày 24/8/2023, ngày 25/9/2023, 07/11/2023, ngày 08/11/2023 Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định nhận được đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung của ông [Trần Xuân A](#) yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 2136/QĐ-UBND ngày 28/4/2023 của Chủ tịch [UBND huyện T](#), tỉnh Bình Định; hủy Quyết định số 2890/QĐ-UBND ngày 03/8/2023 của Chủ tịch [UBND tỉnh B](#). Buộc [UBND huyện T](#) bồi thường hỗ trợ diện tích đất bị thu hồi của hộ gia đình ông [Trần Xuân A](#) do ảnh hưởng giải phóng mặt bằng xây dựng tuyến đường tránh phía Nam [thị trấn P, huyện T](#) theo đơn giá đất xã đồng bằng là trong thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 luật tổ tụng hành chính. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã thụ lý và đưa vụ án ra xét xét giải quyết vụ án hành chính là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 32 Luật tổ tụng hành chính.

[2]. Về nội dung

[2.1] Xét về thời hiệu, thời hạn, hình thức, trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành Quyết định số 2136/QĐ-UBND ngày 28/4/2023, Quyết định số 2890/QĐ-UBND ngày 03/8/2023

- Về thời hiệu, thời hạn, hình thức, trình tự thủ tục của Quyết định số 2136/QĐ-UBND ngày 28/4/2023 của Chủ tịch [UBND huyện T](#), tỉnh Bình Định và Quyết định số 2890/QĐ-UBND ngày 03/8/2023 của Chủ tịch [UBND tỉnh B](#) là phù hợp với quy định tại Điều 28, Điều 37 Luật khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011.

- Về hình thức: Căn cứ quy định tại Điều 31, Điều 40 Luật khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011 thì hình thức Quyết định số 2136/QĐ-UBND ngày 28/4/2023 của Chủ tịch [UBND huyện T](#), tỉnh Bình Định và Quyết định số 2890/QĐ-UBND ngày 03/8/2023 của Chủ tịch [UBND tỉnh B](#) được ban hành đúng quy định pháp luật

- Về trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 2136/QĐ-UBND ngày 28/4/2023 của Chủ tịch [UBND huyện T](#), tỉnh Bình Định và Quyết định số 2890/QĐ-UBND ngày 03/8/2023 của Chủ tịch [UBND tỉnh B](#) là phù hợp với quy định tại các Điều 27, 29, 30, 32, 36, 38, 39, 41 Luật khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011, Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; Luật đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật đất đai; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật khiếu nại ngày 11/11/2011.

- Về thẩm quyền: Quyết định số 2136/QĐ-UBND ngày 28/4/2023 của Chủ tịch [UBND huyện T](#) và Quyết định số 2890/QĐ-UBND ngày 03/8/2023 của Chủ tịch [UBND tỉnh B](#) là quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu và lần hai trong quản lý đất

đại khi người khiếu nại là ông [Trần Xuân A](#) không đồng ý về bồi thường. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 18, khoản 2 Điều 21 Luật khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011, Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019 thì ông [Phan Chí H1](#), chức vụ Chủ tịch [UBND huyện T](#), tỉnh Bình Định (theo lĩnh vực được phân công) và ông [Nguyễn Tư Công H3](#) chức vụ phó Chủ tịch [UBND tỉnh B](#) (theo lĩnh vực được phân công, ủy quyền thường xuyên) ký ban hành các quyết định nêu trên là đúng quy định của pháp luật

[2.2] Xác định tính hợp pháp và có căn cứ về nội dung của Quyết định số 2136/QĐ-UBND ngày 28/4/2023 và Quyết định số 2890/QĐ-UBND ngày 03/8/2023

Thực hiện Quyết định số 4825/QĐ-UBND ngày 03/12/2021 của [UBND tỉnh B](#) về việc phê duyệt dự án xây dựng tuyến đường tránh phía Nam [thị trấn P, huyện T](#); [UBND huyện T](#) tổ chức thực hiện giải phóng mặt bằng tiến hành thi công dự án nêu trên. Theo đó, việc bồi thường, hỗ trợ về đất để giải phóng mặt bằng công trình này đối với đoạn qua địa bàn [xã T](#) được áp dụng theo bảng giá đất xã miền núi, trong đó có thực hiện thu hồi đất của hộ gia đình ông [Trần Xuân A](#) ở [thôn P, xã T, huyện T](#), gồm 03 thửa đất cụ thể: Thửa đất số 1423. Tờ bản đồ số 11, diện tích thu hồi 4612m² loại đất lúa; thửa đất số 18, tờ bản đồ số 11, diện tích thu hồi 192,2m² loại đất lúa; thửa đất số 51, tờ bản đồ số 4, diện tích thu hồi 204,5m² loại đất trồng cây hàng năm khác. [UBND huyện T](#) đã ban hành 04 Quyết định thu hồi đất của hộ gia đình ông [Trần Xuân A](#), cụ thể: Quyết định số 3158/QĐ-UBND ngày 10/6/2022; Quyết định số 3159/QĐ-UBND và Quyết định số 3160/QĐ-UBND ngày 10/6/2022; Quyết định số 6007/QĐ-UBND ngày 12/10/2022.

Căn cứ Quyết định số 42/QĐ-UB ngày 23/5/1997 của Bộ trưởng – Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và miền núi về việc công nhận 3 khu vực miền núi, vùng cao; Văn bản số 747/BDT-CS ngày 14/9/2022 của [Ban Dân tộc tỉnh B](#) về việc cung cấp thông tin đơn vị hành chính thuộc xã miền núi, [UBND huyện T](#) xác định [xã T](#) là xã miền núi; Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của [UBND tỉnh B](#) về việc ban hành bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh. Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng dự án đã áp dụng đất để thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng công trình tuyến đường tránh phía Nam [thị trấn P](#) đoạn qua địa bàn [xã T](#) theo các bảng giá đất đối với xã miền núi.

Theo quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 không có [xã T, huyện T](#); đồng thời [xã T](#) đã về đích nông thôn mới từ năm 2019 và đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao vào năm 2021; do đó, ông [Trần Xuân A](#) cho rằng [xã T](#) không còn là xã miền núi, mà là xã đồng bằng. Tuy nhiên, tại Điều 3 của Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021

của Thủ tướng Chính phủ, quy định: Các xã khu vực III, khu vực II đã được phê duyệt tại Quyết định này nếu được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới sẽ được xác định là xã khu vực I và thôi hưởng các chính sách áp dụng đối với xã khu vực III, khu vực II kể từ ngày Quyết định của cấp có thẩm quyền công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới có hiệu lực, không có văn bản nào quy định xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới sẽ được xác định là xã đồng bằng.

Để có cơ sở áp giá bồi thường, hỗ trợ công tác giải phóng mặt bằng trên địa bàn [huyện T](#) theo đúng quy định của pháp luật và đảm bảo quyền lợi hợp pháp, chính đáng của các hộ dân bị ảnh hưởng dự án trên địa bàn [xã T](#), [UBND huyện T](#) có văn bản số 1457/UBND-VX ngày 10/10/2022 kiến nghị xem xét, có ý kiến cụ thể về việc xác định [xã T](#) là xã miền núi hay là xã đồng bằng để địa phương có cơ sở triển khai thực hiện. Ngày 08/11/2022, [UBND tỉnh B](#) ban hành văn bản số 6601/UBND-TH, với nội dung: Trước mắt, để kịp thời phục vụ công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025, đoạn qua tỉnh Bình Định và các dự án khác trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh yêu cầu Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường giải phóng mặt bằng căn cứ Quyết định số 42/QĐ-UB ngày 23/5/1997 của Bộ trưởng – Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và miền núi để xác định xã miền núi làm cơ sở áp dụng giá đất trong bảng giá đất do [Ủy ban nhân dân tỉnh Q](#) tại Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 phục vụ công tác bồi thường giải phóng mặt bằng.

Kết quả giải quyết bồi thường, hỗ trợ: [Ủy ban nhân dân huyện T](#) ban hành Quyết định phê duyệt phương án chi phí bồi thường, hỗ trợ tại Quyết định số 2126/QĐ-UBND ngày 10/6/2022 và Quyết định số 6000/QĐ-UBND ngày 12/10/2022, trong đó có hộ ông [Trần Xuân A](#) bị thu hồi với diện tích 857,8m² đất, với tổng số tiền được bồi thường, hỗ trợ là 201.330.350 đồng để thực hiện dự án xây dựng tuyến đường tránh phía Nam [thị trấn P](#) theo quy định (áp dụng theo các bảng giá đất xã miền núi)

Kết quả giải quyết khiếu nại của ông [Trần Xuân A](#): Không đồng ý với kết quả bồi thường nêu trên, ông [Trần Xuân A](#) có đơn khiếu nại và được Chủ tịch [UBND huyện T](#) giải quyết khiếu nại lần đầu tại Quyết định số 2136/QĐ-UBND ngày 28/4/2023 và Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết khiếu nại lần hai tại Quyết định số 2890/QĐ-UBND ngày 03/8/2023, với nội dung: “Không công nhận nội dung đơn của ông [Trần Xuân A](#) ở [thôn P, xã T, huyện T](#), vì: Việc ông [Trần Xuân A](#) yêu cầu tính toán bồi thường hỗ trợ diện tích đất bị thu hồi của ông do ảnh hưởng giải phóng mặt bằng dự án xây dựng tuyến đường tránh phía Nam [thị trấn P, huyện T](#) theo đơn giá đất xã đồng bằng là không có cơ sở để xem xét giải quyết, vì căn cứ văn bản số 6601/UBND-TH ngày 08/11/2022 của [UBND tỉnh B](#) về việc xác định xã miền núi để phục vụ công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng các dự án trên địa bàn tỉnh. Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án đã phê duyệt giá đất theo Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND

ngày 18/12/2019 phục vụ công tác bồi thường giải phóng mặt bằng để bồi thường cho ông [Trần Xuân A](#) là đúng quy định tại thời điểm”. Nên Quyết định số 2136/QĐ-UBND ngày 28/4/2023 của Chủ tịch [UBND huyện T](#), tỉnh Bình Định và Quyết định số 2890/QĐ-UBND ngày 03/8/2023 của Chủ tịch [UBND tỉnh B](#) là đúng quy định pháp luật.

Về việc yêu cầu buộc [UBND huyện T](#) bồi thường hỗ trợ diện tích đất bị thu hồi của hộ gia đình ông [Trần Xuân A](#) do ảnh hưởng giải phóng mặt bằng xây dựng tuyến đường tránh phía Nam [thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Định](#) theo đơn giá đất xã đồng bằng là không có cơ sở. Bởi vì theo sự phân tích và nhận định nêu trên của các Quyết định số 2136/QĐ-UBND ngày 28/4/2023 của Chủ tịch [UBND huyện T](#), tỉnh Bình Định và Quyết định số 2890/QĐ-UBND ngày 03/8/2023 của Chủ tịch [UBND tỉnh B](#) được ban hành đúng quy định của pháp luật. Do đó, yêu cầu khởi kiện nói trên của ông [Trần Xuân A](#) là không phù hợp

Từ những căn cứ nói trên, Hội đồng xét xử sơ thẩm xét bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông [Trần Xuân A](#) về việc yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 2136/QĐ-UBND ngày 28/4/2023 của Chủ tịch [UBND huyện T](#), tỉnh Bình Định; hủy Quyết định số 2890/QĐ-UBND ngày 03/8/2023 của Chủ tịch [UBND tỉnh B](#). Buộc [UBND huyện T](#) bồi thường hỗ trợ diện tích đất bị thu hồi của hộ gia đình ông [Trần Xuân A](#) do ảnh hưởng giải phóng mặt bằng xây dựng tuyến đường tránh phía Nam [thị trấn P, huyện T](#) theo đơn giá đất xã đồng bằng.

[3]. Ý kiến của vị đại diện viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông [Trần Xuân A](#) là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí hành chính sơ thẩm: Căn cứ quy định tại Điều 29 Luật tổ tụng hành chính Điều 2 Luật người cao tuổi, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông [Trần Xuân A](#) thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn không phải chịu tiền án phí hành chính sơ thẩm

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ quy định tại các Điều 30; Điều 32; Điều 116; Điều 157; Điều 158; khoản 1 điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

- Căn cứ vào Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và tổ chức chính quyền địa

phương ngày 22/11/2019, Luật khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011, Luật đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật đất đai, Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật khiếu nại ngày 11/11/2011. Căn cứ quy định tại Điều 29 Luật tổ tụng hành chính Điều 2 Luật người cao tuổi, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông [Trần Xuân A](#) về việc yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 2136/QĐ-UBND ngày 28/4/2023 của Chủ tịch [UBND huyện T](#), tỉnh Bình Định; hủy Quyết định số 2890/QĐ-UBND ngày 03/8/2023 của Chủ tịch [UBND tỉnh B](#). Buộc [UBND huyện T](#) bồi thường hỗ trợ diện tích đất bị thu hồi của hộ gia đình ông [Trần Xuân A](#) do ảnh hưởng giải phóng mặt bằng xây dựng tuyến đường tránh phía Nam [thị trấn P, huyện T](#) theo đơn giá đất xã đồng bằng.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông [Trần Xuân A](#) thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn tiền án phí hành chính sơ thẩm. Nên ông [Trần Xuân A](#) không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Trường hợp các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thanh Tuấn